

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI TP.HỒ CHÍ MINH

Số: 32.9.../SGD

V/v công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Trụ sở chính: 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 08.38323557-38352845 Fax: 08.3 8307141
5. Người thực hiện công bố thông tin: Phan Thị Nam Phương
6. Nội dung của thông tin công bố:
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG 2015 (SOÁT XÉT)
7. Địa chỉ website đăng tải nội dung thay đổi: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.

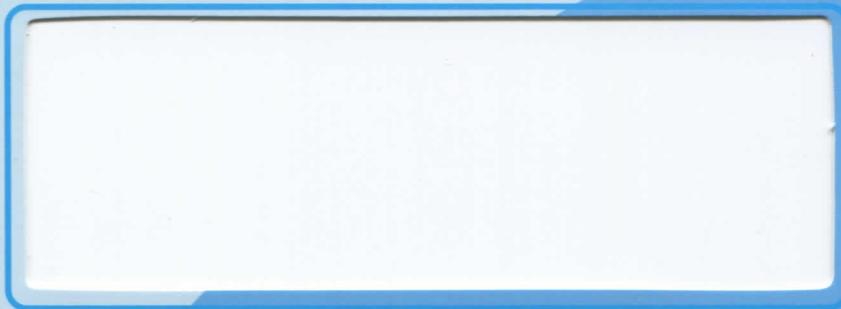
Người thực hiện CBTT



PHAN THỊ NAM PHƯƠNG



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal





**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**
Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 06 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2015 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.38352175
- Fax: (84) 08.38307141
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có trong kỳ kế toán là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/11/2013 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

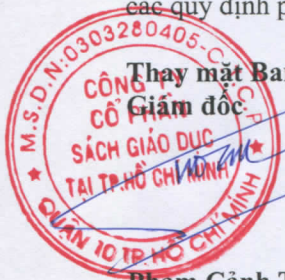
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 837/2015/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 13/08/2015 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 33. Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.380.320.550	50.823.943.116
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.995.923.750	20.864.777.723
1. Tiền	111		4.495.923.750	3.364.777.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.500.000.000	17.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.986.481.700	1.745.178.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.147.066.380	1.836.812.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(160.584.680)	(91.634.680)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.980.266.648	16.816.778.039
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	21.413.479.852	11.877.269.953
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	249.670.946	5.717.824.304
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9a	475.590.070	419.773.914
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.158.474.220)	(1.198.090.132)
IV. Hàng tồn kho	140	11	18.220.164.730	11.296.069.206
1. Hàng tồn kho	141		20.933.094.357	13.547.124.858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.712.929.627)	(2.251.055.652)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		197.483.722	101.140.148
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	12.151.143	3.999.996
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		185.332.579	97.140.152
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.369.303.843	20.201.317.322
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		950.000.000	950.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9b	950.000.000	950.000.000
II. Tài sản cố định	220		17.680.442.029	17.944.366.705
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.113.673.793	1.270.166.435
- Nguyên giá	222		2.166.259.390	2.166.259.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.052.585.597)	(896.092.955)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	16.566.768.236	16.674.200.270
- Nguyên giá	228		16.906.969.677	16.906.969.677
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.201.441)	(232.769.407)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.319.394.816	119.941.364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.319.394.816	119.941.364
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		840.000.000	840.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	840.000.000	840.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		579.466.998	347.009.253
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	579.466.998	347.009.253
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.749.624.393	71.025.260.438

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.152.697.241	16.516.200.072
I. Nợ ngắn hạn	310		29.152.697.241	16.516.200.072
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	22.619.163.053	10.296.062.315
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	1.271.205.362	245.349.159
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	325.931.874	272.485.835
4. Phải trả người lao động	314		2.110.825.533	2.492.676.778
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.804.533.801	3.155.051.967
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	13.203.100	46.739.500
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.834.518	7.834.518
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.596.927.152	54.509.060.366
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	52.596.927.152	54.509.060.366
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.712.000.000	1.712.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(2.035.282.090)	(2.035.282.090)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	4.894.634.920	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	6.655.574.322	8.567.707.536
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.712.107.536	4.015.236.267
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.943.466.786	4.552.471.269
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		81.749.624.393	71.025.260.438



Phạm Cảnh Toàn
Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	37.774.037.903	42.930.621.082
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	174.323.683	879.045.855
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		37.599.714.220	42.051.575.227
4. Giá vốn hàng bán	11	25	30.166.877.929	34.564.813.571
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		7.432.836.291	7.486.761.656
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	470.330.480	291.885.320
7. Chi phí tài chính	22	27	83.135.671	48.102.574
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	28	2.566.793.208	2.598.450.382
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	2.805.089.191	2.587.731.591
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.448.148.701	2.544.362.429
11. Thu nhập khác	31	30	-	248.797.591
12. Chi phí khác	32	31	-	167.600.917
13. Lợi nhuận khác	40		-	81.196.674
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.448.148.701	2.625.559.103
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	504.681.915	644.794.654
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.943.466.786	1.980.764.449
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	504	514
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		504	514



Phạm Cảnh Toàn
Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	29.324.332.767	34.337.133.882
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(22.865.224.482)	(26.871.385.245)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.595.089.000)	(1.498.434.706)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(375.286.292)	(514.758.622)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	299.975.850	570.227.628
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.079.457.900)	(2.555.310.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	<u>2.709.250.943</u>	<u>3.467.472.581</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(2.199.453.452)	(1.075.375.001)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	259.600.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	476.948.536	308.504.612
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	<u>(1.722.504.916)</u>	<u>(507.270.389)</u>
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.855.600.000)	(4.775.044.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	<u>(3.855.600.000)</u>	<u>(4.775.044.500)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	<u>(2.868.853.973)</u>	<u>(1.814.842.308)</u>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.864.777.723	14.410.730.227
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>17.995.923.750</u>	<u>12.595.887.919</u>



Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 06 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2015 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu các chứng khoán đó. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng

Đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải	6

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- + Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Hoa hồng môi giới: được xác định theo tỷ lệ thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng hoặc Biên bản thỏa thuận giữa các công ty sách.
- Chi phí bản thảo, nhuận bút: được xác định theo tỷ lệ nhuận bút thỏa thuận và phí giao thầu cho từng bộ sách, trong đó tỷ lệ thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng hoặc Biên bản thỏa thuận giữa các công ty sách trong Tập đoàn.
- Chi phí lãi vay phải trả: được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay.
- Chi phí khác: được xác định dựa trên giá trị Hợp đồng đã ký với nhà cung cấp.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn được ghi nhận khi Công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng phải trả,...

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền mặt	229.241.976	216.270.715
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.266.681.774	3.148.507.008
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 1 tháng)	13.500.000.000	17.500.000.000
Cộng	17.995.923.750	20.864.777.723

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2015				31/12/2014			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh								
- Công ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	197.000	1.805.534.680	(160.584.680)	1.644.950.000	197.000	1.805.534.680	(91.634.680)	1.713.900.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội EID	27.700	341.531.700	-	341.531.700	3.000	31.278.000	-	31.278.000
Cộng		2.147.066.380	(160.584.680)	1.986.481.700		1.836.812.680	(91.634.680)	1.745.178.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	2.860.917.825	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.379.659.840	-
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Đắc Lắc	-	1.382.781.966
Các đối tượng khác	16.172.902.187	10.494.487.987
Cộng	21.413.479.852	11.877.269.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách Đại học Dạy Nghề	-	-
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	2.860.917.825	-
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục tại Đà Nẵng	-	-
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	-	-
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	34.010.610	-
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Cần Thơ	75.597.170	3.737.621
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	13.611.220	500.000
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	-	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	-	57.302.279
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	-	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Trung	40.531.927	-
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	-	-
Công ty CP Sách Dịch Vụ Từ Điển Giáo Dục	23.462.961	25.912.341
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	2.379.659.840	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	146.189.504	166.460.750
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	171.047.235	203.656.380
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo Dục Bình Dương	195.752.765	314.149.435
Cộng	5.940.781.057	771.718.806

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH Tư vấn XD Thương mại Đại Cường Phát	105.000.000	735.000.000
Công ty TNHH TV-TK-XD Tuấn Thịnh Cường	80.000.000	80.000.000
Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	-	4.855.728.258
Các đối tượng khác	64.670.946	47.096.046
Cộng	249.670.946	5.717.824.304

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	12.444.444	-	19.062.500	-
Tạm ứng	95.269.632	-	49.200.000	-
Ký quỹ	290.075.994	-	290.075.994	-
Phải thu khác	77.800.000	-	61.435.420	-
Cộng	475.590.070	-	419.773.914	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	950.000.000	-	950.000.000	-
Cộng	950.000.000	-	950.000.000	-

(*) Là khoản góp vốn với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo HĐ số 005/SGD/2014/ĐTXB ngày 25/08/2014 để tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cho hoạt động xuất bản sách giáo khoa và sách bổ trợ, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	1.077.591.018	1.198.090.132
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	80.883.202	-
Cộng	1.158.474.220	1.198.090.132

11. Hàng tồn kho

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	605.539.230	-	144.241.612	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.453.348.726	-	5.015.253.316	-
Thành phẩm	16.673.625.058	2.712.929.627	8.123.088.804	2.251.055.652
Hàng hóa	200.581.343	-	264.541.126	-
Cộng	20.933.094.357	2.712.929.627	13.547.124.858	2.251.055.652

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2015 là: 3.834.642.400 đồng.

Giá trị hàng tồn kho cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2015 là 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	12.151.143	3.999.996
Cộng	12.151.143	3.999.996

b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	13.642.503	20.463.753
Chi phí tổ chức bán thảo	565.824.495	326.545.500
Cộng	579.466.998	347.009.253

13. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	352.634.937	1.813.624.453	2.166.259.390
Mua sắm trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	352.634.937	1.813.624.453	2.166.259.390
Khấu hao			
Số đầu kỳ	117.544.978	778.547.977	896.092.955
Khấu hao trong kỳ	29.386.242	127.106.400	156.492.642
Số cuối kỳ	146.931.220	905.654.377	1.052.585.597
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	235.089.959	1.035.076.476	1.270.166.435
Số cuối kỳ	205.703.717	907.970.076	1.113.673.793

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 288.345.517 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2015 là 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú	Quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	6.468.156.872	10.438.812.805	16.906.969.677
Mua trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	6.468.156.872	10.438.812.805	16.906.969.677
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	232.769.407	232.769.407
Khấu hao trong kỳ	-	107.432.034	107.432.034
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	340.201.441	340.201.441
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	6.468.156.872	10.206.043.398	16.674.200.270
Số cuối kỳ	6.468.156.872	10.098.611.364	16.566.768.236

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/07/2062 tại thửa đất số 159, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 595,8 m². Mục đích sử dụng dự kiến: xây dựng kho chứa sách và thiết bị trường học.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2015	31/12/2014
Xây dựng nhà 363 Hưng Phú	2.319.394.816	119.941.364
Cộng	2.319.394.816	119.941.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động	30/06/2015			31/12/2014				
	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Đang hoạt động	6,02%	6,02%	840.000.000	-	840.000.000	-	
Cộng				840.000.000	-	840.000.000	-	

Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng. Cổ phiếu của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng cũng chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm 30/06/2015. Do đó, khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo giá gốc đầu tư và không trích lập dự phòng.

Công ty cũng không có cơ sở tin cậy để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	2.483.156.752	2.992.980.667
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	1.699.467.423	1.102.904.623
Các đối tượng khác	18.436.538.878	6.200.177.025
Cộng	22.619.163.053	10.296.062.315

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	1.662.811.040	78.109.760
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	33.493.026	-
Tạp Chí Toán Tuổi Thơ	-	-
Tạp Chí Văn Học Và Tuổi Trẻ	14.264.200	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	526.305.133	129.916.053
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	269.312.940	272.018.060
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Đà Nẵng	167.568.872	106.146.982
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	281.140.873	208.990.287
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	710.646.625	-
Công ty CP Đầu Tư và Xuất Bản Giáo Dục	-	15.289.800
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục tại Đà Nẵng	62.878.000	63.088.000
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Gia Định	249.906.458	146.163.958
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	1.699.467.423	1.102.904.623
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	-	24.995.920
Công ty CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	65.540.463	64.410.263
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. HCM	1.088.835.341	-
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	-	138.750.000
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	52.065.440	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	1.040.301.687	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	1.736.799.674	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Trung	-	21.968.333
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	1.066.051.767	346.198.863
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	913.122.210	363.582.604
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	50.727.500	50.727.500
Cộng	11.691.238.672	3.133.261.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV TMDV Thiên Long Hoàn Cầu	676.176.200	-
Trường Tiểu học Phong Phú	-	52.500.000
Trường THCS Trần Văn Ôn	-	53.000.000
Công ty CP Công Nghệ Giáo Dục 3A		80.255.566
Các đối tượng khác	595.029.162	59.593.593
Cộng	1.271.205.362	245.349.159

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	164.581.690	504.681.915	375.286.292	293.977.313
Thuế thu nhập cá nhân	107.904.145	337.501.515	413.451.099	31.954.561
Cộng	272.485.835	842.183.430	788.737.391	325.931.874

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí bản thảo, biên tập	2.221.529.348	1.995.832.812
Chi phí hoa hồng môi giới	583.004.453	1.109.219.155
Chi phí khác	-	50.000.000
Cộng	2.804.533.801	3.155.051.967

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	7.410.600	-
Cổ tức phải trả	2.203.500	2.203.500
Phải trả khác	3.589.000	44.536.000
Cộng	13.203.100	46.739.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	41.370.000.000	(2.035.282.090)	1.517.632.156	2.862.449.329	9.341.829.499
Tăng trong năm	-	-	-	514.553.435	4.552.471.269
Giảm trong năm	-	-	-	-	5.326.593.232
Số dư tại 31/12/2014	<u>41.370.000.000</u>	<u>(2.035.282.090)</u>	<u>1.517.632.156</u>	<u>3.377.002.764</u>	<u>8.567.707.536</u>
Số dư tại 01/01/2015	41.370.000.000	(2.035.282.090)	-	4.894.634.920	8.567.707.536
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.943.466.786
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	3.855.600.000
Số dư tại 30/06/2015	<u>41.370.000.000</u>	<u>(2.035.282.090)</u>	<u>-</u>	<u>4.894.634.920</u>	<u>6.655.574.322</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	31/12/2014
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	32.236.000.000	32.236.000.000
Cổ phiếu quỹ	2.814.000.000	2.814.000.000
Cộng	<u>41.370.000.000</u>	<u>41.370.000.000</u>

c. Cổ phiếu

	30/06/2015 Cổ phiếu	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	281.400	281.400
- Cổ phiếu phổ thông	281.400	281.400
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.855.600	3.855.600
- Cổ phiếu phổ thông	3.855.600	3.855.600
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2015	31/12/2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	8.567.707.536	9.341.829.499
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.943.466.786	4.552.471.269
Phân phối lợi nhuận	3.855.600.000	5.326.593.232
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	3.855.600.000	5.326.593.232
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	514.553.435
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	185.319.797
- Trả cổ tức cho các cổ đông	3.855.600.000	4.626.720.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.655.574.322	8.567.707.536

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 78/NQ-SGD ngày 07/03/2015.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	37.696.045.880	42.889.969.371
Doanh thu khác	77.992.023	40.651.711
Cộng	37.774.037.903	42.930.621.082

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Hàng bán bị trả lại	174.323.683	879.045.855
Cộng	174.323.683	879.045.855

25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	30.094.665.408	34.524.333.798
Giá vốn hoạt động khác	72.212.521	40.479.773
Cộng	30.166.877.929	34.564.813.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi	316.190.480	259.885.320
Cổ tức, lợi nhuận được chia	154.140.000	32.000.000
Cộng	470.330.480	291.885.320

27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chiết khấu thanh toán	14.185.671	11.169.299
Trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	68.950.000	36.800.000
Chi phí tài chính khác	-	133.275
Cộng	83.135.671	48.102.574

28. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tiền lương	1.292.334.314	1.420.375.119
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	349.339.909	219.974.720
Các khoản khác	925.118.985	958.100.543
Cộng	2.566.793.208	2.598.450.382

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tiền lương	1.182.098.551	1.290.959.365
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	229.218.891	209.328.227
Các khoản khác	1.393.771.749	1.087.443.999
Cộng	2.805.089.191	2.587.731.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thu nhập từ bán phế liệu, công cụ dụng cụ	-	12.797.591
Thu thanh lý tài sản cố định	-	236.000.000
Cộng	-	248.797.591

31. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	-	167.600.917
Cộng	-	167.600.917

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.448.148.701	2.625.559.103
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(154.140.000)	135.600.917
- Điều chỉnh tăng	-	167.600.917
+ <i>Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế</i>	-	167.600.917
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	154.140.000	32.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	2.294.008.701	2.761.160.020
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	504.681.915	644.794.654
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	504.681.915	607.455.204
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	37.339.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.943.466.786	1.980.764.449
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.943.466.786	1.980.764.449
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.855.600	3.855.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	504	514

34. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.258.128.224	14.387.241.900
Chi phí nhân công	2.474.432.865	2.630.495.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	263.924.676	204.065.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.373.207.071	12.161.863.258
Chi phí khác bằng tiền	2.254.071.491	1.939.480.736
Cộng	20.623.764.327	31.323.146.848

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán Tuổi Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu Tư và Xuất Bản Giáo Dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dịch Vụ Từ Điển Giáo Dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo Dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	6 tháng đầu Năm 2015	6 tháng đầu Năm 2014
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sách Đại Học Dạy nghề	13.552.560	-
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	8.246.546.245	11.424.768.975
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục tại Đà Nẵng	210.000	-
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	32.463.200	384.820.060
Công ty Cổ phần Học Liệu (EMCO)	185.941.190	99.973.965
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Cần Thơ	75.597.170	25.773.000
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	13.611.220	82.286.000
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	11.488.000	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	199.558.653	90.011.585
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	75.558.110	175.788.020
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Trung	75.100.260	32.128.000
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	1.995.664.966	1.744.434.400
Công ty CP Sách Dịch Vụ Từ Điển Giáo Dục	23.463.000	62.602.000
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	3.017.600.110	306.950.220
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	-	6.198.000
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	-	1.185.000
Tạp Chí Toán Tuổi Thơ	-	1.391.000
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	-	9.951.000
CN Công ty Cổ phần Sách Đại học Dạy Nghề tại TPHCM	-	7.578.760
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Đà Nẵng	-	67.794.480
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Gia Định	-	8.517.500
Công ty Cổ phần Mĩ Thuật Và Truyền Thông	-	1.914.560
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	5.620.800	282.471.890
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo Dục Bình Dương	314.149.435	195.752.765
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	203.656.380	171.047.235
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	-	776.272.450
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	-	31.326.231
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	474.493.578	706.416.680
Mua hàng		
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	1.990.201.280	1.146.730.400
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	67.757.226	85.386.876
Tạp Chí Toán Tuổi Thơ	6.597.500	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	1.296.389.080	806.372.470
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	258.507.440	241.716.700
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Đà Nẵng	210.377.240	221.403.140
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	172.150.586	309.625.404
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	2.914.141.845	2.175.935.790
Công ty CP Đầu Tư và Xuất Bản Giáo Dục	1.725.500	-
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục tại Đà Nẵng	-	-
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Gia Định	303.742.500	45.855.640
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	1.229.026.000	981.345.000
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	43.421.000	14.196.000
Công ty CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	51.130.200	43.853.092
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Cần Thơ	1.195.660	-
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. HCM	1.597.735.341	1.494.570.000
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	39.375.000	94.500.000
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	1.500.000	422.500
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	63.553.440	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	1.445.641.780	843.103.800
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	3.596.886.664	2.991.905.175
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Trung	12.600.000	-
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	3.015.517.870	2.576.249.980
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	1.232.789.870	788.888.270
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	-	-
Công ty CP Sách Dịch Vụ Từ Điển Giáo Dục	-	24.139.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch khác

		6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	457.631.000	216.109.810
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	132.200.000	94.200.000

36. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

37. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học... , các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Ban Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	22.619.163.053	-	22.619.163.053
Chi phí phải trả	2.804.533.801	-	2.804.533.801
Phải trả khác	5.792.500	-	5.792.500
Cộng	25.429.489.354	-	25.429.489.354

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.296.062.315	-	10.296.062.315
Chi phí phải trả	3.155.051.967	-	3.155.051.967
Phải trả khác	46.739.500	-	46.739.500
Cộng	13.497.853.782	-	13.497.853.782

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.995.923.750	-	17.995.923.750
Đầu tư tài chính	1.986.481.700	840.000.000	2.826.481.700
Phải thu khách hàng	20.255.005.632	-	20.255.005.632
Phải thu khác	380.320.438	950.000.000	1.330.320.438
Cộng	40.617.731.520	1.790.000.000	42.407.731.520

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.864.777.723	-	20.864.777.723
Đầu tư tài chính	1.745.178.000	840.000.000	2.585.178.000
Phải thu khách hàng	10.679.179.821	-	10.679.179.821
Phải thu khác	370.573.914	950.000.000	1.320.573.914
Cộng	33.659.709.458	1.790.000.000	35.449.709.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

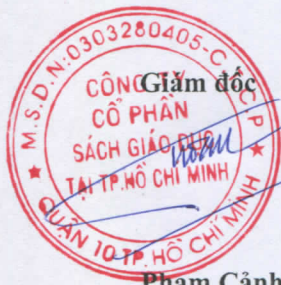
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

39. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.



Phạm Cảnh Toàn

Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-511) 3655 886
Fax: +(84-511) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 4, Toà nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +(84-8) 3910 2235
Fax: +(84-8) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Thành viên

